

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN

(Tính đến ngày 30/09/2024)

Khoa: Điện - Điện tử

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH32112287	Nguyễn Thanh	Bình	D21_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
2	DH32107426	Đặng Việt	Cường	D21_DCN01	10.5	-	-	-	5	-	5.5	-	-	0
3	DH32110776	Nguyễn Thiều Thành	Đạt	D21_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
4	DH32109111	Huỳnh Minh	Đức	D21_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
5	DH32112333	Trần Huỳnh Gia	Huy	D21_DCN01	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
6	DH32112343	Nguyễn Tuấn	Kha	D21_DCN01	8.5	-	-	-	0.5	-	8	-	-	1.5
7	DH32114271	Phan Duy	Khang	D21_DCN01	8.5	-	-	-	3.5	-	5	-	-	1.5
8	DH32101525	Huỳnh Lê Tuấn	Kiệt	D21_DCN01	57.5	16.5	-	0.5	-	-	40.5	-	-	0
9	DH32113450	Nguyễn Trung	Nghĩa	D21_DCN01	13	-	-	-	2	-	10	1	-	0
10	DH32112378	Huỳnh Thanh	Phong	D21_DCN01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
11	DH32112379	Huỳnh Thanh	Phú	D21_DCN01	10.5	-	-	-	5.5	-	5	-	-	0
12	DH32114430	Ngô Quang	Phú	D21_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
13	DH32112381	Trần Minh	Phú	D21_DCN01	10.5	-	-	-	3.5	-	7	-	-	0
14	DH32112386	Lâm Thành	Quang	D21_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
15	DH32112420	Ngô Thanh	Toàn	D21_DCN01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
16	DH32112422	Trần Tiến	Toàn	D21_DCN01	10.5	-	0.5	-	3.5	-	5.5	1	-	0
17	DH32112428	Cao Minh	Tùng	D21_DCN01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
18	DH32103848	Quách Hưng Thịnh	An	D21_TDH01	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
19	DH32101438	Nguyễn Mạnh	Cường	D21_TDH01	3.5	-	-	-	3.5	-	-	-	-	6.5
20	DH32100863	Nguyễn Khánh	Duy	D21_TDH01	9.5	-	0.5	-	1.5	-	7.5	-	-	0.5
21	DH32104629	Phạm Nguyễn Khánh	Duy	D21_TDH01	1.5	-	-	-	1.5	-	-	-	-	8.5
22	DH32101841	Tạ Hà Nhật	Duy	D21_TDH01	17	6	-	-	-	-	10	1	-	0
23	DH32108434	Trần Công	Định	D21_TDH01	4	-	1	-	-	-	-	-	3	6
24	DH32112304	Trương Bảo	Định	D21_TDH01	11	-	-	-	5.5	-	5.5	-	-	0
25	DH32112306	Tô Minh	Đoàn	D21_TDH01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
26	DH32100973	Nguyễn Hữu	Hùng	D21_TDH01	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	8.5
27	DH32100998	Nguyễn Phú	Hưng	D21_TDH01	9.5	-	-	-	3.5	-	5	1	-	0.5
28	DH32107707	Nguyễn Thanh	Linh	D21_TDH01	15	-	1	-	-	-	14	-	-	0
29	DH32107169	Lê Thành	Long	D21_TDH01	13.5	-	-	-	-	-	10.5	-	3	0
30	DH32114012	Trương Công	Mẫn	D21_TDH01	3	-	-	-	3	-	-	-	-	7
31	DH32112360	Lê Công	Minh	D21_TDH01	12.5	-	-	-	6.5	-	4	2	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
32	DH32102126	Nguyễn Thanh	Nhân	D21_TDH01	9	-	-	-	3.5	-	5.5	-	-	1
33	DH32101063	Võ Hoàng	Phát	D21_TDH01	16	-	-	-	3	-	13	-	-	0
34	DH32114081	Nguyễn Thanh	Phong	D21_TDH01	5.5	-	-	-	3	-	2.5	-	-	4.5
35	DH32105449	Hà Đức	Phú	D21_TDH01	9	-	-	-	3	-	6	-	-	1
36	DH32105109	Hà Võ Hoàng	Phú	D21_TDH01	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
37	DH32112380	Nguyễn Thanh	Phú	D21_TDH01	11	-	-	-	3.5	-	7.5	-	-	0
38	DH32105505	Nguyễn Hoàng	Phúc	D21_TDH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
39	DH32104798	Ngô Trần	Quang	D21_TDH01	5	-	-	-	3.5	-	1.5	-	-	5
40	DH32103508	Dương Phú	Quý	D21_TDH01	19	-	-	-	3.5	-	12.5	-	3	0
41	DH32108361	Lê Vũ Đình	Quý	D21_TDH01	3.5	-	-	-	3.5	-	-	-	-	6.5
42	DH32103455	Nguyễn Đăng	Thành	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
43	DH32112413	Nguyễn Huy	Thọ	D21_TDH01	19.5	4.5	0.5	-	-	-	14.5	-	-	0
44	DH32114554	Nguyễn Anh	Tiên	D21_TDH01	18	1	-	-	0.5	-	13.5	-	3	0
45	DH32112416	Trần Nguyễn Mạnh	Tiến	D21_TDH01	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
46	DH32113170	Mai Quốc	Triệu	D21_TDH01	4	-	-	-	3.5	-	0.5	-	-	6
47	DH32108245	Dương Minh	Trọng	D21_TDH01	7.5	-	-	-	3	-	3.5	1	-	2.5
48	DH32114355	Chung Văn	Tuấn	D21_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
49	DH32101648	Nguyễn Anh	Tuấn	D21_TDH01	9.5	-	-	-	3	-	6.5	-	-	0.5
50	DH32112427	Nguyễn Anh	Tuấn	D21_TDH01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
51	DH42100240	Đình Nhật	Anh	D21_MMT01	5	-	-	-	1.5	-	3.5	-	-	5
52	DH42112437	Huỳnh Gia	Bảo	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
53	DH42114085	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	D21_MMT01	5.5	-	0.5	-	-	-	5	-	-	4.5
54	DH42108564	Lê Thanh Tùng	Châu	D21_MMT01	94	35	0.5	1	-	-	56.5	1	-	0
55	DH42114162	Hoàng Minh	Chiến	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
56	DH42112446	Nguyễn Thành	Đạt	D21_MMT01	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
57	DH42114462	Nguyễn Tấn	Hải	D21_MMT01	3	-	0.5	-	-	-	2.5	-	-	7
58	DH42112312	Sú Thế	Hải	D21_MMT01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
59	DH42114528	Nguyễn Quang	Hòa	D21_MMT01	7	-	0.5	-	1	-	4.5	1	-	3
60	DH42111028	Nguyễn Quốc	Huy	D21_MMT01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
61	DH42112454	Trần Gia	Huy	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
62	DH42114451	Trần Công	Khải	D21_MMT01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
63	DH42101028	Lê Huỳnh Tuấn	Khang	D21_MMT01	12.5	-	-	-	0.5	-	12	-	-	0
64	DH42112455	Hồ Nguyễn Trung	Khang	D21_MMT01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
65	DH42111248	Huỳnh Tấn	Lộc	D21_MMT01	13.5	-	-	-	1	-	12.5	-	-	0
66	DH42120047	Đặng Trần	Lực	D21_MMT01	8	-	0.5	-	-	-	7.5	-	-	2
67	DH42100982	Lê Thành	Nhân	D21_MMT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
68	DH42112465	Liêu Trọng	Nhân	D21_MMT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
69	DH42114670	Hồ Nguyễn Hoàng	Phúc	D21_MMT01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
108	DH32200197	Nguyễn Hoàng	Nhật	D22_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
109	DH32202945	Dương Vũ Hoàng	Ninh	D22_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
110	DH32200200	Lê Hoàng	Phúc	D22_DCN01	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
111	DH32200208	Nguyễn Thái	Sang	D22_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
112	DH32200211	Nguyễn Thanh	Tài	D22_DCN01	24.5	21.5	-	-	0.5	-	2.5	-	-	0
113	DH32200215	Võ Thiện	Tâm	D22_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
114	DH32200222	Nguyễn Bảo Minh	Thông	D22_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
115	DH32200224	Lê Văn	Thuận	D22_DCN01	4.5	-	-	-	0.5	-	3	1	-	5.5
116	DH32200225	Lê Minh	Tiến	D22_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
117	DH32200228	Mai Trung	Tín	D22_DCN01	92	68	-	-	-	-	24	-	-	0
118	DH32200231	Nguyễn Minh	Trung	D22_DCN01	3.5	-	-	-	-	-	2.5	1	-	6.5
119	DH32200241	Nguyễn Quang	Tường	D22_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
120	DH32202907	Trần Quốc Trí	Văn	D22_DCN01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
121	DH32200242	Lê Tấn	Vinh	D22_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
122	DH32200244	Nguyễn Tấn	Vinh	D22_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
123	DH32200126	Nguyễn Thế	Anh	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
124	DH32200125	Nguyễn Hoàng	Ân	D22_TDH01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
125	DH32200132	Dương Quang	Công	D22_TDH01	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
126	DH32200133	Lê Trí	Công	D22_TDH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
127	DH32200136	Nguyễn Thành	Danh	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
128	DH32200143	Trần Trọng Thái	Dương	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
129	DH32200137	Hoàng Đình	Đạt	D22_TDH01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
130	DH32200135	Đoàn Minh	Đăng	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
131	DH32200141	Phan Ngọc	Đình	D22_TDH01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
132	DH32200142	Trần Hữu	Đức	D22_TDH01	31	24	0.5	-	-	-	6.5	-	-	0
133	DH32105790	Đặng Minh	Hải	D22_TDH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
134	DH32200147	Nguyễn Ngọc Tuấn	Hải	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
135	DH32200150	Nguyễn Anh	Hào	D22_TDH01	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
136	DH32203753	Lương Thế	Hiển	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
137	DH32200160	Nguyễn Đăng	Hoàng	D22_TDH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
138	DH32200165	Dương Hải	Huy	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
139	DH32200167	Nguyễn Quang	Huy	D22_TDH01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
140	DH32200169	Trương Quốc	Huy	D22_TDH01	19.5	15	-	-	-	-	4.5	-	-	0
141	DH32202940	Trần Quang	Khải	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
142	DH32202952	Trần Hoàng Gia	Lạc	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
143	DH32200185	Tiêu Tập	Long	D22_TDH01	31	25	-	-	-	-	6	-	-	0
144	DH32114360	Tổng Việt	Nam	D22_TDH01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
145	DH32200192	Lê Minh	Nghị	D22_TDH01	9.5	-	2	-	-	-	4.5	-	3	0.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
222	DH32301420	Trần Hoàng	Nhật	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
223	DH32301491	Trần Tấn	Phát	D23_DDT01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
224	DH32301563	Trần Thanh	Phúc	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
225	DH32301570	Nguyễn Hữu	Phước	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
226	DH32301572	Nguyễn Tấn	Phước	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
227	DH32301585	Nguyễn Duy	Phương	D23_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
228	DH32302435	Tsai Yuen	Pi	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
229	DH32301597	Huỳnh Nhật	Quang	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
230	DH32301615	Huỳnh Đăng	Quân	D23_DDT01	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
231	DH32301638	Nguyễn Hữu	Quốc	D23_DDT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
232	DH32301704	Huỳnh Ngọc	Son	D23_DDT01	1	-	-	-	-	-	-	1	-	9
233	DH32302538	Đăng Thành	Tâm	D23_DDT01	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
234	DH32301861	Nguyễn Quốc	Thắng	D23_DDT01	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
235	DH32301856	Vũ Trần Nhật	Thiện	D23_DDT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
236	DH32301924	Lương Chí	Thuận	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
237	DH32301829	Dương Trí	Thức	D23_DDT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
238	DH32302152	Nguyễn Văn	Trung	D23_DDT01	4	-	-	-	-	-	3	1	-	6
239	DH32302178	Trần Võ Nhật	Trường	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
240	DH32302222	Nguyễn Quốc	Tuấn	D23_DDT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
241	DH32200245	Trần	Vũ	D23_DDT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
242	DH42300011	Lý Phúc	An	D23_VT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
243	DH42300099	Võ Tạ Thục	ánh	D23_VT01	5.5	-	-	-	-	-	2.5	-	3	4.5
244	DH42300280	Nguyễn Anh	Duy	D23_VT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
245	DH42300386	Đoàn Tiến	Đạt	D23_VT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
246	DH42302596	Trần Hùng	Đạt	D23_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
247	DH42302434	Trần Trọng	Hiếu	D23_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
248	DH42300595	Huỳnh Huy	Hoàng	D23_VT01	6	-	-	-	-	-	3	-	3	4
249	DH42300638	Nguyễn Quốc	Hùng	D23_VT01	4	-	-	-	-	-	2	-	2	6
250	DH42300684	Nguyễn Gia	Huy	D23_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
251	DH42300838	Nguyễn Nhật	Khánh	D23_VT01	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	8.5
252	DH42300887	Phan Tuấn	Khoa	D23_VT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
253	DH42302412	Trịnh Danh	Long	D23_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
254	DH42301265	Nguyễn Đình	Ngọc	D23_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
255	DH42301469	Lê Công	Phát	D23_VT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
256	DH42301493	Vũ Đình	Phát	D23_VT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
257	DH42301545	Nguyễn Chính	Phúc	D23_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
258	DH42301753	Hoàng Vũ Minh	Tâm	D23_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
259	DH42301799	Bùi Xuân	Thành	D23_VT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
260	DH42301776	Nguyễn Xuân	Thế	D23_VT01	5.5	-	-	3	-	-	2.5	-	-	4.5
261	DH42301968	Trần Hoài	Thương	D23_VT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
262	DH42301965	Đặng Phi	Thường	D23_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
263	DH42302165	Hoàng Văn	Trường	D23_VT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

Tổng số SV: **263**

Đã hoàn thành: **37**

Chưa hoàn thành: **226**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
- 8: Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Người lập bảng

Trưởng Phòng CTSV

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Vũ Trọng Anh

PGS, TS. Hoàng Kim Anh